

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 138/2018/DS-ST

Ngày: 31/7/2018

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hùng.

2. Ông Nguyễn Văn Giữ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2017/TLST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2018/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1958; nơi cư trú: Số 274, tổ 10, ấp VP, thị trấn CD, huyện CP, tỉnh An Giang.

- Các bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ 13, ấp VP, thị trấn CD, huyện CP, tỉnh An Giang.

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh năm 1976; nơi cư trú: Tổ 11, ấp VP, thị trấn CD, huyện CP, tỉnh An Giang.

3. Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1973; nơi cư trú: Tổ 12, ấp VT, thị trấn CD, huyện CP, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty Cổ phần Tập đoàn SM; địa chỉ: Số 326 đường HV, phường ML, thành phố LX, tỉnh An Giang.

2. Ủy ban nhân dân huyện CP; địa chỉ: Ấp VT, thị trấn CD, huyện CP, tỉnh An Giang do ông Nguyễn Văn L, là Phó phòng Tài nguyên và Môi trường huyện CP đại diện theo ủy quyền (theo giấy ủy quyền số 18/GUQ-UBND ngày 21/5/2018).

(Bà H có mặt; bà T, bà H1, bà D, ông L và Công ty Cổ phần Tập đoàn SM vắng mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo và diễn biến tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H trình bày ý kiến như sau: Vào năm 2008 Ủy ban nhân dân huyện CP có hợp dân thông báo về việc quy hoạch đất của các hộ dân có đất nằm trong khu quy hoạch để làm khu đô thị SM tại thị trấn CD do Công ty Cổ phần Tập đoàn SM làm chủ đầu tư dự án, bà H có khoảng trên 16.000m² đất nằm trong khu quy hoạch, theo đó giá bồi thường cho các hộ dân có đất trong khu quy hoạch là 70.000.000đ/1.000m², nhưng bà H không đồng ý, khoản 01 tuần sau Ủy ban nhân dân huyện CP mời bà H đến họp để thương lượng với bà H về việc đổi nền đất lấy nền nhà trong khu quy hoạch, cụ thể đổi 1.000m² lấy diện tích nền nhà là 120m², nhưng theo phân nền thì tại khu quy hoạch 01 nền chỉ có 80m². Bà H đồng ý và lấy 18 nền từ việc đổi đất của bà và 01 nền tái định cư (trên thực tế các nền đất nói trên là số tiền của bà nhận từ bồi thường, thay vì nhận tiền bà chuyển sang thỏa thuận nhận chuyển nhượng lại các nền đất thổ cư của Công ty Cổ phần Tập đoàn SM), các nền có diện tích 1.552m² và nằm liền kề nhau, các nền đất này đều nằm trong phần diện tích đất củ của bà H đứng tên trước đó, không có liên quan gì đến bà T, bà H1 và bà D. Sau đó giữa bà H với Công ty Cổ phần Tập đoàn SM đã đi đến thống nhất xác lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cụ thể phía bên Công ty Cổ phần Tập đoàn SM đã chuyển nhượng cho bà H tổng cộng 14 thửa Lô nền đất, tổng diện tích 1.552m², tất cả các Lô nền đất nói trên bà H đều được Ủy ban nhân dân huyện CP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất, trong các thửa Lô nền đất nói trên gồm có: Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 17, có diện tích 125m² do bà H đứng tên đã bị bà Nguyễn Thị Mỹ T bao chiếm; thửa đất số 183, tờ bản đồ số 17, có diện tích 125m² do bà H đứng tên đã bị bà Nguyễn Thị Mỹ H1 bao chiếm và thửa đất số 184, tờ bản đồ số 17, có diện tích 167m² do bà H đứng tên đã bị bà Nguyễn Thị Mỹ D bao chiếm. Các Lô nền đất mà bà T, bà H1 và bà D bao chiếm của bà H là do các bà tự ý vào bao chiếm và không có liên quan gì với bà T, bà H1 và bà D. Còn việc bà T, bà H1 và bà D có tranh chấp về việc Công ty Cổ phần Tập đoàn SM giao các nền Lô đất tái định cư cho bà T, bà H1 và bà D nằm trong mặt hậu nên các bà không đồng ý và tự ý vào bao chiếm các nền đất nói trên của bà H là trái pháp luật, bà H không đồng ý. Nay bà H kiện yêu cầu bà T, bà H1 và bà D phải trả lại phần diện tích đất nói trên mà bà T, bà H1 và bà D đã bao chiếm của bà H và yêu cầu bà T, bà H1 và bà D phải tháo dỡ hàng rào trụ nóng đá và đốn hạ các loại cây có trên phần đất nói trên mà bà T, bà H1 và bà D tự ý trồng.

- Các bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T, bà Nguyễn Thị Mỹ H1 và bà Nguyễn Thị Mỹ D vắng mặt lần thứ hai không lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần Tập đoàn SM vắng mặt lần thứ hai không lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện CP do ông Nguyễn Văn L đại diện theo ủy quyền vắng mặt, nhưng tại biên bản ghi nhận ý kiến ông L trình bày như sau: Việc Ủy ban nhân dân huyện CP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho bà Nguyễn Ngọc H tại các thửa đất số 182, tờ bản đồ số 17, có diện tích 125m²; thửa đất số 183, tờ bản đồ số 17, có diện tích 125m² và thửa đất số 184, tờ bản đồ số 17, có diện tích 167m² là đúng theo trình tự và thủ tục, vì trên thực tế các nền đất nói trên là thuộc nền đất củ của bà H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước đây, sao đó do chủ trương thành lập khu đô thị Sao Mai nên Công ty Cổ phần Tập đoàn SM đã thỏa thuận với các hộ dân có đất trong khu quy hoạch được đền bù và được nhận nền tái định cư, khi đó phía của bà H có đất nằm trong khu quy hoạch nên bà H có thỏa thuận giao đất cho Công ty Cổ phần Tập đoàn SM và nhận tiền đền bù, ngoài ra bà H còn thỏa thuận nhận chuyển nhượng lại các nền lô đất ngay trên phần đất bà H đứng tên trước đó. Khi bà H thỏa thuận hợp đồng chuyển nhượng các nền lô đất nói trên trong đó có các nền lô đất tại các thửa đất số 182, tờ bản đồ số 17, có diện tích 125m²; thửa đất số 183, tờ bản đồ số 17, có diện tích 125m² và thửa đất số 184, tờ bản đồ số 17, có diện tích 167m² thì Ủy ban nhân dân huyện CP huyện CP xét thấy là đúng theo quy định nên đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho bà H. Nay Ủy ban nhân dân huyện CP xác định việc Ủy ban nhân dân huyện CP cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại các thửa đất số 182, tờ bản đồ số 17, có diện tích 125m²; thửa đất số 183, tờ bản đồ số 17, có diện tích 125m² và thửa đất số 184, tờ bản đồ số 17, có diện tích 167m² là đúng theo quy định của pháp luật. Riêng đối với thửa đất số 182, tờ bản đồ số 17, có diện tích 125m² do bà H đứng tên đã bị bà Nguyễn Thị Mỹ T bao chiếm; thửa đất số 183, tờ bản đồ số 17, có diện tích 125m² do bà H đứng tên đã bị bà Nguyễn Thị Mỹ H1 bao chiếm và thửa đất số 184, tờ bản đồ số 17, có diện tích 167m² do bà H đứng tên đã bị bà Nguyễn Thị Mỹ D tự ý bao chiếm là trái pháp luật. Vì theo thỏa thuận giữa bà T, bà H1 và bà D với Công ty Cổ phần Tập đoàn SM thì các bà đã nhận nền tái định cư xong, các nền do Công ty Cổ phần Tập đoàn SM giao, cụ thể bà T được nhận nền số 35, lô L16, đường số 9; bà H1 được nhận nền số 37, lô L16, đường số 9 và bà D được nhận nền số 36, lô L16, đường số 9, tất cả các nền bà T, bà H1 và bà D nhận đều tọa lạc tại khu đô thị Sao Mai thuộc

thị trấn Cái Dầu. Do đó, việc bà H khởi kiện yêu cầu bà T, bà H1 và bà D phải trả lại phần diện tích đất nói trên mà bà T, bà H1 và bà D đã bao chiếm của bà H là có cơ sở đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ giai đoạn thụ lý đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đều thực hiện tuân theo pháp luật tố tụng. Tuy nhiên về thời hạn chuẩn bị xét xử là quá hạn so với quy định là vi phạm pháp luật tố tụng. Về quan điểm giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

NH ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Căn cứ vào đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì vụ án thuộc quan hệ về tranh chấp quyền sử dụng đất, cụ thể theo đơn khởi kiện bà Nguyễn Ngọc H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Mỹ T, bà Nguyễn Thị Mỹ H1 và bà Nguyễn Thị Mỹ D trả cho bà H lần lượt các thửa đất số 182, tờ bản đồ số 17, có diện tích 125m² do bà H đứng tên đã bị bà Nguyễn Thị Mỹ T bao chiếm; thửa đất số 183, tờ bản đồ số 17, có diện tích 125m² do bà H đứng tên đã bị bà Nguyễn Thị Mỹ H1 bao chiếm và thửa đất số 184, tờ bản đồ số 17, có diện tích 167m² do bà H đứng tên đã bị bà Nguyễn Thị Mỹ D bao chiếm, do vậy Tòa án thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Do đây là tranh chấp về quyền sử dụng đất thuộc loại kiện về tranh chấp dân sự được quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, mà cụ thể là Tòa án nhân dân huyện CP do bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện CP, hơn nữa phần đất đang tranh chấp nằm tại huyện CP nên Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý là đúng theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về trình tự và thủ tục khởi kiện:

Xét đây là vụ kiện bắt buộc phải thông qua hòa giải tại Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn nên trước khi Tòa án thụ lý vụ án Ủy ban nhân dân thị trấn Cái Dầu đã tiến hành hòa giải theo đúng thủ tục nên Tòa án thụ lý giải quyết là đúng theo quy định.

[1.4] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có mặt; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đúng theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.5] Về thời hiệu khởi kiện:

Xét thấy, do vụ án thuộc quan hệ tranh chấp về quyền sử dụng đất nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[2] Về nội D:

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguồn gốc các thửa đất số 182, tờ bản đồ số 17, có diện tích 125m²; thửa đất số 183, tờ bản đồ số 17, có diện tích 125m² và thửa đất số 184, tờ bản đồ số 17, có diện tích 167m² do bà Nguyễn Ngọc H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân huyện CP cấp vào ngày 22/02/2016 là do bà H nhận chuyển nhượng của Công ty Cổ phần Tập đoàn SM, thực tế các thửa đất nói trên là thuộc quyền sử dụng đất củ trước đây của bà H, do chủ trương xây dựng khu đô thị Sao Mai nên giữa bà H và Công ty Cổ phần Tập đoàn SM đi đến thống nhất là bà H giao diện tích đất của bà H cho Công ty Cổ phần Tập đoàn SM và bà H được nhận lại các nền đất, nền tái định cư ngay trên phần đất củ của bà H và được hỗ trợ bồi thường tiền theo quy định, các nền đất sau đó được Ủy ban nhân dân huyện CP cấp cho bà Nguyễn Ngọc H có diện tích tổng cộng là 1.552m², trong số các nền đất nói trên có 03 nền đất thuộc thửa đất số 182, tờ bản đồ số 17, có diện tích 125m² do bà H đứng tên đã bị bà Nguyễn Thị Mỹ T bao chiếm; thửa đất số 183, tờ bản đồ số 17, có diện tích 125m² do bà H đứng tên đã bị bà Nguyễn Thị Mỹ H1 bao chiếm và thửa đất số 184, tờ bản đồ số 17, có diện tích 167m² do bà H đứng tên đã bị bà Nguyễn Thị Mỹ D bao chiếm. Hội đồng xét xử xét thấy việc các bà T, H1 và D tự ý vào bao chiếm các nền đất nói trên của bà H là trái pháp luật, vì các nền đất nói trên bà H đã được Ủy ban nhân dân huyện CP cấp cho bà H hợp pháp và đúng theo trình tự thủ tục quy định, hơn nữa các nền đất trên lại là các nền đất củ trước đây của bà H, do chủ trương của nhà nước xây dựng khu đô thị Sao Mai nên bà H đã giao đất cho Công ty Cổ phần Tập đoàn SM đầu tư xây dựng và bà H được bồi thường tiền và được nhận lại các nền đất nằm ngay trên phần diện tích đất củ của bà H đã giao cho Công ty Cổ phần Tập đoàn SM trước đó. Do vậy việc bà H khởi kiện yêu cầu bà T, bà H1 và bà D trả lại các nền đất tranh chấp nói trên là có căn cứ nên chấp nhận.

Qua xem xét, thẩm định tại chỗ xác định như sau:

- Thửa đất số 182, tờ bản đồ số 17, có diện tích 125m² do bà Nguyễn Ngọc H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân huyện CP cấp vào ngày 22/02/2016 hiện đã bị bà Nguyễn Thị Mỹ T vào bao chiếm sử dụng. Trên thửa đất có 06 trụ nóng đá cao 01m, có 03 cây sanh (cây si) cao 04m không có giá trị do là cây tạp nên bà T phải có trách nhiệm trả lại đất cho bà H và di dời 06 trụ nóng đá và đốn hạ 03 cây sanh (cây si) cao 04m.

- Thửa đất số 183, tờ bản đồ số 17, có diện tích 125m² do bà Nguyễn Ngọc H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân huyện CP cấp vào ngày 22/02/2016 hiện đã bị bà Nguyễn Thị Mỹ H1 vào bao chiếm sử dụng. Trên thửa đất có 06 trụ nóng đá cao 01m, có 04 cây sanh (cây si) cao 04m và 02 cây gạo cao 04m không có giá trị do là cây tạp nên bà H1 phải có trách nhiệm trả lại đất cho bà H và di dời 06 trụ nóng đá cao 01m, đốn hạ 04 cây sanh (cây si) cao 04m và 02 cây gạo cao 04m.

- Thừa đất số 184, tờ bản đồ số 17, có diện tích 167m² do bà Nguyễn Ngọc H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân huyện CP cấp vào ngày 22/02/2016 hiện đã bị bà Nguyễn Thị Mỹ D vào bao chiếm sử dụng. Trên thửa đất có 06 trụ nóng đá cao 01m, có 05 cây sanh (cây si) cao 04m không có giá trị do là cây tạp nên bà D phải có trách nhiệm trả lại đất cho bà H và di dời 06 trụ nóng đá cao 01m, đốn hạ 05 cây sanh (cây si) cao 04m.

[3] Về chi phí đo đạc, chi phí định giá và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận nên bà không phải chịu các chi phí nói trên, bà H được nhận lại. Bà T, bà H1 và bà D là người có lỗi trong vụ kiện nên phải chịu các chi phí nói trên. Do trước đây bà H đã tạm ứng số tiền chi phí đo đạc, chi phí định giá và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên bà T, bà H1 và bà D phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho H chi phí đo đạc 1.072.500đ và chi phí định giá tài sản và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 1.250.000đ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận, nên bà H không phải chịu án phí theo quy định. Bà H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.125.000đ theo biên lai thu số 0013547, số tiền 4.175.000đ theo biên lai thu số 0013546 cùng ngày 10/5/2017 và số tiền 3.125.000đ theo biên lai thu số 0016954 ngày 12/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

Bà T, bà H1 và bà D là những người có lỗi trong vụ kiện nên phải chịu án phí theo quy định. Tại biên bản định giá tài sản xác định giá đất đang trang chấp nêu trên có giá 3.000.000đ/m² nên các bà T, bà H1 và bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như sau:

- Bà T phải chịu 18.750.000đ.
- Bà H1 phải chịu 18.750.000đ.
- Bà D phải chịu 24.040.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự; căn cứ Điều 202 và Điều 203 Luật đất đai; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc H.

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ T có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Ngọc H diện tích đất 125m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 182, tờ bản đồ số 17 do bà H đứng tên, số vào sổ cấp GCN: CH06702 được Ủy ban nhân dân huyện CP cấp ngày 22/02/2016, đất tọa lạc tại thị trấn CD, huyện CP, tỉnh An Giang theo các điểm 6,7,8,9 tại bản đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh CP đo vẽ ngày 09/4/2018 (có bản đồ hiện trạng khu đất kèm theo) và di dời 06 trụ nóng đá và đốn hạ 03 cây sanh (cây si) cao 04m nằm trên thửa đất nói trên.

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ H1 có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Ngọc H diện tích đất 125m² theo giấy chứng nh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 183, tờ bản đồ số 17 do bà H đứng tên, số vào sổ cấp GCN: CH06703 được Ủy ban nhân dân huyện CP cấp ngày 22/02/2016, đất tọa lạc tại thị trấn CD, huyện CP, tỉnh An Giang theo các điểm 4,5,6,7 tại bản đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh CP đo vẽ ngày 09/4/2018 (có bản đồ hiện trạng khu đất kèm theo) và di dời 06 trụ nóng đá cao 01m, đốn hạ 04 cây sanh (cây si) cao 04m và 02 cây gáo cao 04m nằm trên thửa đất nêu trên.

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ D có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Ngọc H diện tích đất 167m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 184, tờ bản đồ số 17 do bà H đứng tên, số vào sổ cấp GCN: CH06711 được Ủy ban nhân dân huyện CP cấp ngày 22/02/2016, đất tọa lạc tại thị trấn CD, huyện CP, tỉnh An Giang theo các điểm 1,2,3,4,5 tại bản đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh CP đo vẽ ngày 09/4/2018 (có bản đồ hiện trạng khu đất kèm theo) và di dời 06 trụ nóng đá cao 01m, đốn hạ 05 cây sanh (cây si) cao 04m nằm trên thửa đất nêu trên.

* Về chi phí đo đạc, chi phí định giá và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà T, bà H1 và bà D phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho H chi phí đo đạc 1.072.500đ và chi phí định giá tài sản và chi phí xem xét, thẩm định 1.250.000đ.

* Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà H được nhận lại số số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.125.000đ theo biên lai thu số 0013547, số tiền 4.175.000đ theo biên lai thu số 0013546 cùng ngày 10/5/2017 và số tiền 3.125.000đ theo biên lai thu số 0016954 ngày 12/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

- Bà T phải chịu 18.750.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà H1 phải chịu 18.750.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà D phải chịu 24.040.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nh được bản án hoặc ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nh :

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện CP;
- Chi cục THADS huyện CP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phước Hậu